

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/09/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+TD2+P2	7:25	3+6+9	0+0+0		1+1+20	0+0+0	
2		P7+TD1+PPD	7:25	7+6+8	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
3		TD5+BK16+PPD	9:25	3+5+7	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
4		CTK3+BK5+PPD	9:25	19+3+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	Chuyen 2 CTK3 PPD

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P3 - TD2 - P2	CREW: Vận - DUONG - Toan	ETA: 09:10
xanh-1			

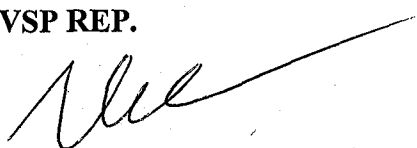
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HOÀNG VŨ	P3	20-21	2	17		74	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ VĂN TUÔNG	P3	19	1	10		74	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CHÂU	P3	18	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
4	DOMIN YURI	TD2	38	1	10		100	KHOAN	Russian
5	LÂM NHẬT MINH	TD2	43	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
6	BUI VĂN MINH	TD2	41-42	2	17		63	CODIEN	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN KHUU	TD2	39	1	10	15	50	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HUU LUAN	TD2	37	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN MẠNH	TD2	40	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUNG	P2	82	1	10		65	YTE	Vietnamese
11	HÀ VĂN NIN	P2	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ CÔNG KHANG	P2	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN SƠN ANH	P2	86-87	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI TRỌNG TRIU	P2	78	1	15	40	70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGO VĂN TUÂN	P2	85	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN VĂN HANH	P2	83-84	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG XUÂN THẮNG	P2	74-75	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐỖ KHÁC ĐA	P2	73	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	DANG NG DUY NHAN	P2	76	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	3	4	34	213	0	1		
2	TD2	6	7	65	418	15	1		
3	P2	10	13	104	693	40	20		
TOTAL		19	24	203	1.324	55	22		
WEIGHT KG				203	1.324	55			

GRAND TOAL: 1.582 KGS

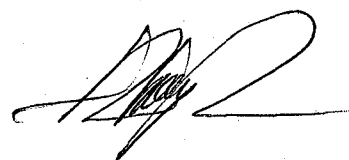
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P7 - TD1 - PPD	CREW: QViệt - Khang - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU CHIẾN	P7	15	1	7		75	DUY LINH	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TOÀN	P7	22	1	9		60	DUY LINH	Vietnamese
3	ĐẶNG TRỌNG DƯƠNG	P7	16	1	7		65	DUY LINH	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐEN	P7	18	1	7		55	DUY LINH	Vietnamese
5	PHAN NĂNG KHOA	P7	19-20	2	11		57	DUY LINH	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG HẬU	P7	17	1	8		65	DUY LINH	Vietnamese
7	VÕ QUANG HÀ	P7	21	1	11		71	DUY LINH	Vietnamese
8	LÊ ANH TUẤN	TD1	87	1	15	27	66	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	TD1	84	1	8	60	82	DVL	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN THAI	TD1	88	1	10		70	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD1	89	1	16		70	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN THIỆU BÌNH	TD1	95-96	2	19		60	DVL	Vietnamese
13	VŨ ANH TRỌNG	TD1				35	65	DVL	Vietnamese
14	KRAVSOV	TD1	85-86	2	20		75	DVL	Russian
15	VU ĐỨC HOÀNG	PPD	51	1	5	20	66	KHI	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN THẠCH	PPD	52	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	57	1	7		65	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TIẾN BĂNG	PPD	54	1	2		59	PSV	Vietnamese
19	QUÁCH SỸ TY	PPD	58-59	2	17		68	PSV	Vietnamese
20	PHẠM VĂN GIANG	PPD	53	1	4		55	PSV	Vietnamese
21	TRẦN LÊ VIỆT	PPD	55	1	4		60	PSV	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN CÔNG	PPD	56	1	6		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	7	8	60	448	0	0		
2	TD1	7	8	88	488	122	4		
3	PPD	8	9	50	498	20	18		
TOTAL		22	25	198	1.434	142	22		
WEIGHT KG				198	1.434	142			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: TD5 - BK16 - PPD	CREW: Vậ - DUONG - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU BA THUẬN	TD5	50	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VIET HUÂN	TD5	49	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HAI LONG	TD5	47-48	2	15		78	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN THAI BÌNH	BK16	67-68	2	9	36	67	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG NGOC HOAI	BK16	75-76	2	17	40	60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC TÍNH	BK16	71-72	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ ANH	BK16	73-74	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ANH CƯỜNG	BK16	69-70	2	12		77	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ NGỌC SƠN	PPD	68	1	5	60	69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN TRONG	PPD	84	1	9		100	PSV	Vietnamese
11	KIM VAN TÍNH	PPD	64-65	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÀO QUYẾT THẮNG	PPD	66	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HAI	PPD	63	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN SƠN	PPD	67	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	3	4	35	211	0	1		
2	BK16	5	10	69	353	76	0		
3	PPD	6	7	66	423	60	21		
TOTAL		14	21	170	987	136	22		
WEIGHT KG				170	987	136			

GRAND TOAL: 1.293 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	TO: CTK3 - BK5 - PPD	CREW: QViệt - Khang - HIẾU	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT PHƯỢNG	CTK3	23	1	6		85	LILAMA18	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG KHANH	CTK3	21-22	2	15		67	LILAMA18	Vietnamese
3	NGUYỄN TIEN HOANG SON	CTK3	09	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ TUẤN HAI	CTK3	10-11	2	12		75	LILAMA18	Vietnamese
5	PHAN HUY THƯƠNG	CTK3	12	1	5		80	LILAMA18	Vietnamese
6	AZMAN BIN MOHD FADZIL	CTK3	07-08	2	16		72	KH-THAC	Malaysian
7	LƯU SÙNG BA	CTK3	27-28	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HOÀN	CTK3	30	1	12	35	67	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ BÌNH MINH	CTK3	31	1	9	40	50	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VĂN KHA	CTK3	19-20	2	14		58	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	CTK3	17-18	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRANG	CTK3	25-26	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN KHANH	CTK3	13	1	3		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THU TRANG	CTK3	14	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN BÁC	CTK3					73	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN MINH	CTK3	15	1	3		80	PSV	Vietnamese
17	HOANG THAI LONG	CTK3	29	1	3		55	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC SƠN	CTK3	16	1	4		75	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CÁN	CTK3	24	1	3		73	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK5	08	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SY	BK5	13	1	5	35	60	PVE	Vietnamese
22	VU VAN TUAN	BK5	06-07	2	10		61	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	25	151	1.325	75	16	2	CHUYEN 2 PAX CTK3 SANG PPD
2	BK5	3	4	20	186	35	0		
3	PPD	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	29	171	1.511	110	22		
WEIGHT KG				171	1.511	110			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN